

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2023

THƯ MỜI BÁO GIÁ
Về việc mua sắm hóa chất xét nghiệm bổ sung tại Bệnh viện Quân y 103

Kính gửi: Các đơn vị kinh doanh, cung cấp hóa chất xét nghiệm

Trước hết Bệnh viện Quân y 103 xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp, hợp tác của các đơn vị, nhà cung cấp với Bệnh viện trong suốt thời gian qua.

Hiện nay, Bệnh viện có nhu cầu mua sắm hóa chất xét nghiệm để phục vụ công tác khám chữa bệnh. Để có cơ sở lập dự toán, kế hoạch mua sắm Bệnh viện kính mời các đơn vị có khả năng cung cấp hàng hoá gửi báo giá về Bệnh viện Quân y 103 theo các thông tin sau:

1. Danh mục hàng hóa mời báo giá
(Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm)
2. Nội dung báo giá
(Chi tiết tại Phụ lục II đính kèm)
3. Thời gian nhận báo giá: Bắt đầu kể từ ngày ra thông báo đến hết ngày 27/5/2023 (hoặc khi nhận đủ báo giá theo quy định).
4. Phương thức báo giá: Báo giá gửi trực tiếp hoặc qua đường công văn, bưu điện.
5. Địa điểm nhận báo giá: Phòng thầu (TH2.145), Khoa Dược, Bệnh viện Quân y 103.
Địa chỉ: số 261 đường Phùng Hưng, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội.
Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị!.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: KD. H05.



GIÁM ĐỐC

Thiếu tướng Trần Viết Tiến

DANH MỤC HÀNG HÓA ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP BẢO GIÁ

(Kèm theo Thư mời báo giá ngày 17/5/2023 của Bệnh viện Quân y 103)



STT	Tên hóa chất	Yêu cầu của hàng hóa về chất lượng, mô tả chi tiết thông số kỹ thuật	ĐVT
Phần 1: Hóa chất xét nghiệm			
1	Hóa chất chuẩn xét nghiệm CA 72-4	Là huyết thanh người đông khô chứa CA 72-4 người với hai khoảng nồng độ (khoảng 1 U/mL và khoảng 70 U/mL), chất bảo quản. Các chai CalSet có thể dùng với tất cả các lô thuốc thử. - Cal1: ≥2 chai, mỗi chai ≥1.0 mL mẫu chuẩn 1 - Cal2: ≥2 chai, mỗi chai ≥1.0 mL mẫu chuẩn 2	Hộp
2	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Cyfra 21-1	CYFRA 21-1 CalSet là huyết thanh người đông khô chứa cytokeartin với hai khoảng nồng độ. - Cal1: ≥2 chai, mỗi chai ≥1.0 mL mẫu chuẩn 1 - Cal2: ≥2 chai, mỗi chai ≥1.0 mL mẫu chuẩn 2 Cytokeratin với hai khoảng nồng độ (khoảng 0 ng/mL và khoảng 50 ng/mL) trong huyết thanh người	Hộp
3	Hóa chất chuẩn xét nghiệm NSE	NSE CalSet là hỗn hợp đệm/protein (albumin huyết thanh bò) đông khô chứa NSE với hai khoảng nồng độ (khoảng 0.5 ng/mL và khoảng 50 ng/mL) và Natri Azide - Cal1: ≥2 chai, mỗi chai ≥1.0 mL mẫu chuẩn 1 - Cal2: ≥2 chai, mỗi chai ≥1.0 mL mẫu chuẩn 2	Hộp
4	Hóa chất chuẩn xét nghiệm proGRP	Là huyết thanh ngựa đông khô chứa protein proGRP (tái tổ hợp từ E. coli) với hai khoảng nồng độ (khoảng 20 pg/mL và khoảng 294 pg/mL), chất bảo quản. - Cal1: ≥2 chai, mỗi chai ≥1.0 mL mẫu chuẩn 1 - Cal2: ≥2 chai, mỗi chai ≥1.0 mL mẫu chuẩn 2	Hộp
5	Hóa chất chuẩn xét nghiệm SCC	SCC CalSet gồm có huyết thanh người đông khô với SCC protein (tái tổ hợp từ E.coli) ở hai khoảng nồng độ (< 1.5 ng/mL và khoảng 20 ng/mL), chất bảo quản. - Cal1: ≥2 chai, mỗi chai ≥1.0 mL mẫu chuẩn 1 - Cal2: ≥2 chai, mỗi chai ≥1.0 mL mẫu chuẩn 2	Hộp
6	Hóa chất kiểm tra các xét nghiệm ung thư	Huyết thanh chứa đông khô lấy từ huyết thanh người. Mẫu chứa được dùng để kiểm tra độ đúng và độ chính xác của các xét nghiệm miễn dịch ▪ PC TM: ≥4 chai, mỗi chai ≥3.0 mL huyết thanh chứa (người)	Hộp
7	Hóa chất kiểm tra các xét nghiệm ung thư phổi	Huyết thanh chứa đông khô lấy từ huyết thanh người với hai khoảng nồng độ ▪ PC LC: ≥4 chai, mỗi chai ≥3.0 mL huyết thanh chứa	Hộp
8	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm Anti-CCP	Huyết thanh chứa đông khô lấy từ huyết thanh người với hai khoảng nồng độ. Mẫu chứa được dùng để kiểm tra độ đúng và độ chính xác của xét nghiệm miễn dịch. ▪ PC A-CCP1: ≥2 chai, mỗi chai ≥2.0 mL mẫu chứa huyết thanh Kháng thể kháng CCP (người), ≥20 U/mL trong huyết thanh người. ▪ PC A-CCP2: ≥2 chai, mỗi chai ≥2.0 mL mẫu chứa huyết thanh Kháng thể kháng CCP (người), ≥100 U/mL trong huyết thanh người.	Hộp

STT	Tên hóa chất	Yêu cầu của hàng hóa về chất lượng, mô tả chi tiết thông số kỹ thuật	ĐVT
9	Hóa chất xét nghiệm Anti-CCP	Thuốc thử xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang kháng thể kháng CCP. Bao gồm: - 1 chai chứa Vi hạt phủ Streptavidin; chất bảo quản. - 1 chai chứa Peptide citrulline hóa dạng vòng đánh dấu biotin (tổng hợp); đệm phosphate; chất bảo quản. - 1 chai chứa Kháng thể đơn dòng kháng IgG người đánh dấu ruthenium (chuột); đệm phosphate; chất bảo quản. Ca11: ≥ 2 chai đóng khô. Kháng thể kháng CCP (người) ≥ 20 U/mL trong huyết thanh người. Ca12: ≥ 2 chai đóng khô. Kháng thể kháng CCP (người) ≥ 200 U/mL trong huyết thanh người.	Hộp
10	Hóa chất xét nghiệm CA 72-4	Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang dùng để định lượng CA 72-4 trong huyết thanh và huyết tương người. Bao gồm: - 1 chai chứa Vi hạt phủ Streptavidin; chất bảo quản. - 1 chai chứa Kháng thể đơn dòng kháng CA 72-4 đánh dấu biotin (chuột); đệm phosphate; chất bảo quản. - 1 chai chứa Kháng thể đơn dòng kháng CA 72-4 (chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium; chất bảo quản.	Hộp
11	Hóa chất xét nghiệm Cyfra 21-1	Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang dùng để định lượng các phân đoạn của cytokeatin 19 trong huyết thanh và huyết tương người. Bao gồm: - 1 chai chứa Vi hạt phủ Streptavidin; chất bảo quản. - 1 chai chứa Kháng thể đơn dòng kháng cytokeatin 19 đánh dấu biotin (chuột); đệm phosphate; chất bảo quản. - 1 chai chứa Kháng thể đơn dòng kháng cytokeatin 19 (chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate; chất bảo quản.	Hộp
12	Hóa chất xét nghiệm NSE	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng enolase đặc hiệu thần kinh (NSE) trong huyết thanh người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Khoảng đo 0.050-370 ng/mL - 1 chai chứa Vi hạt phủ Streptavidin; chất bảo quản. - 1 chai chứa Kháng thể đơn dòng kháng NSE đánh dấu biotin (chuột); đệm phosphate; chất bảo quản. - 1 chai chứa Kháng thể đơn dòng kháng NSE (chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate; chất bảo quản.	Hộp
13	Hóa chất xét nghiệm proGRP	Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang dùng để định lượng ProGRP trong huyết tương và huyết thanh người. Khoảng đo 3-5000 pg/mL - 1 chai chứa Vi hạt phủ Streptavidin; chất bảo quản. - 1 chai chứa Kháng thể đơn dòng kháng ProGRP đánh dấu biotin (chuột); đệm phosphate; chất bảo quản. - 1 chai chứa Kháng thể đơn dòng kháng ProGRP (chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate; chất bảo quản.	Hộp
14	Hóa chất xét nghiệm SCC	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng kháng nguyên ung thư tế bào vảy trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Khoảng đo 0.1-70 ng/mL - 1 chai chứa Vi hạt phủ Streptavidin; chất bảo quản. - 1 chai chứa Kháng thể đơn dòng kháng SCC đánh dấu biotin (chuột); đệm phosphate; chất bảo quản. - 1 chai chứa Kháng thể đơn dòng kháng SCC (chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate; chất bảo quản.	Hộp
15	Dung dịch rửa điện cực	Để làm sạch điện cực trên máy phân tích miễn dịch. Thành phần: dung dịch natri hydroxide, dung dịch natri hypochlorite, phụ gia.	Hộp
16	Tip/cup phản ứng	Dùng để chứa và hút mẫu, QC, và chất chuẩn trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Đầu côn hút mẫu và cốc chứa hỗn hợp phản ứng, vật liệu nhựa bao gồm ≥ 48 khay, trên mỗi khay có ≥ 84 đầu côn hút mẫu và ≥ 84 cốc phản ứng.	Hộp
17	Dung dịch rửa hệ thống của máy xét nghiệm miễn dịch	Được sử dụng trên máy miễn dịch điện hóa phát quang: làm sạch hệ thống ống và tế bào điện cực sau khi đo và bảo quản điện cực, làm sạch đầu dò thuốc thử sau khi hút.	Hộp

STT	Tên hóa chất	Yêu cầu của hàng hóa về chất lượng, mô tả chi tiết thông số kỹ thuật	ĐVT.
18	Dung dịch rửa loại bỏ chất gây nhiễu, sử dụng trên máy miễn dịch	Được dùng để loại bỏ các chất có tiềm năng gây nhiễu trước khi phát tín hiệu, bước cuối cùng của quy trình phân tích. Hộp ≥ 5 l x ≥ 600 mL chứa dung dịch rửa hỗn hợp phản ứng gồm: Đệm phosphate; natri chloride; chất tẩy ≤ 0.1 %; chất bảo quản.	Hộp
19	Hóa chất hệ thống	Lọ ≥ 2 lít Dung dịch hệ thống để làm sạch bộ phận phát hiện của máy phân tích xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Được sử dụng để: làm sạch hệ thống ống và tế bào điện cực sau khi đo và bảo quản điện cực. làm sạch	Lọ
20	Cốc phản ứng	Cốc bằng nhựa để đựng mẫu. Sử dụng cho xét nghiệm thuộc phương pháp miễn dịch điện hóa phát quang. Hộp ≥ 3600 cốc	Hộp
21	Đầu côn hút mẫu	Đầu côn bằng nhựa để hút mẫu. Sử dụng cho xét nghiệm thuộc phương pháp miễn dịch điện hóa phát quang. Hộp ≥ 3600 cái	Hộp
22	Dung dịch chất phụ gia	Dung dịch phụ trợ cho vào thùng chứa nước cất trên máy miễn dịch điện hóa phát quang, làm tăng công đoạn rửa giữa các lần hút, cần thiết cho tất cả các xét nghiệm miễn dịch. Thành phần: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one, phụ gia. Hộp ≥ 500 ml	Hộp
23	Dung dịch phản ứng hệ thống	Dung dịch phản ứng hệ thống dùng để phát tín hiệu điện hóa cho xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Thành phần: Đệm phosphate; tripropylamine; chất tẩy ≤ 0.1 %; chất bảo quản; Hộp ≥ 6 l x ≥ 380 ml	Hộp
24	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm Anti HBe	Hóa chất kiểm chuẩn Anti HBe bằng phương pháp miễn dịch điện hóa phát quang. Hộp bao gồm ≥ 08 cặp chứng âm, chứng dương	Hộp
25	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm Anti HBe IgM	Hóa chất kiểm chuẩn Anti HBe IgM bằng phương pháp miễn dịch điện hóa phát quang. Hộp bao gồm ≥ 08 cặp chứng âm, chứng dương	Hộp
26	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm Anti HBe	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm Anti HBe bằng phương pháp miễn dịch điện hóa phát quang. Hộp bao gồm ≥ 08 cặp chứng âm, chứng dương	Hộp
27	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm Anti HBe	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm Anti HBs bằng phương pháp miễn dịch điện hóa phát quang. Hộp bao gồm ≥ 08 cặp chứng âm, chứng dương	Hộp
28	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm Anti HCV	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm Anti HCV bằng phương pháp miễn dịch điện hóa phát quang. Hộp bao gồm ≥ 08 cặp chứng âm, chứng dương	Hộp
29	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm CMV IgG	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm CMV IgG bằng phương pháp miễn dịch điện hóa phát quang. Hộp bao gồm ≥ 08 cặp chứng âm, chứng dương	Hộp
30	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm CMV IgM	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm CMV IgM bằng phương pháp miễn dịch điện hóa phát quang. Hộp bao gồm ≥ 08 cặp chứng âm, chứng dương	Hộp
31	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm định tính HBsAg	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm HBsAg bằng phương pháp miễn dịch điện hóa phát quang. Hộp bao gồm ≥ 08 cặp chứng âm, chứng dương	Hộp
32	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm HBeAg	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm HBeAg bằng phương pháp miễn dịch điện hóa phát quang. Hộp bao gồm ≥ 08 cặp chứng âm, chứng dương	Hộp
33	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm HIV	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm HIV bằng phương pháp miễn dịch điện hóa phát quang. Hộp bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Tối thiểu 2 chai chứa huyết thanh chứng, âm tính với HIV (kháng nguyên và kháng thể); chất bảo quản. ▪ Tối thiểu 2 chai chứa huyết thanh chứng, dương tính với kháng thể kháng HIV; chất bảo quản. ▪ Tối thiểu 2 chai chứa huyết thanh chứng kháng nguyên HIV p24 (E. coli. rDNA) trong huyết thanh người; chất bảo quản. 	Hộp
34	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm HSV	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm HSV bằng phương pháp miễn dịch điện hóa phát quang. Hộp bao gồm ≥ 02 cặp chứng âm, chứng dương	Hộp

STT	Tên hóa chất	Yêu cầu của hàng hóa về chất lượng, mô tả chi tiết thông số kỹ thuật	ĐVT
35	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm Rubella IgG	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm Rubella IgG bằng phương pháp miễn dịch điện hóa phát quang. Hộp bao gồm ≥ 08 cặp chứng âm, chứng dương	Hộp
36	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm Rubella IgM	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm Rubella IGM bằng phương pháp miễn dịch điện hóa phát quang. Hộp bao gồm ≥ 04 cặp chứng âm, chứng dương	Hộp
37	Hóa chất pha loãng xét nghiệm miễn dịch	Chất pha loãng mẫu trong các xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang, sử dụng pha loãng mẫu khi nồng độ chất phân tích vượt quá phạm vi đo của phương pháp, tiền pha loãng mẫu cho một số xét nghiệm miễn dịch. Thành phần: Hỗn hợp protein (P261, P272, P280...); chất bảo quản. Hộp ≥ 2 l x ≥ 16ml	Hộp
38	Hóa chất rửa hệ thống của máy xét nghiệm miễn dịch	Dung dịch hệ thống để làm sạch bộ phận phát hiện của máy phân tích xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang: làm sạch hệ thống ống và tế bào điện cực sau mỗi lần đo và bảo quản điện cực. Thành phần: KOH; chất tẩy ≤ 1%. Hộp ≥ 6 l x ≥ 380ml	Hộp
39	Hóa chất xét nghiệm Anti HBc	Sử dụng cho xét nghiệm thuộc phương pháp miễn dịch điện hóa phát quang. Gồm bộ thuốc thử chính cho xét nghiệm Anti HBc, mẫu chuẩn âm tính, mẫu chuẩn dương tính, có thành phần như sau: <ul style="list-style-type: none"> - 1 chai chứa Vi hạt phủ Streptavidin; chất bảo quản. - 1 chai chứa 1,4-dithiothreitol; đệm citrate. - 1 chai chứa HBcAg; đệm phosphate; chất bảo quản. - 1 chai: Kháng thể đơn dòng kháng HBc đánh dấu biotin (chuột); kháng thể đơn dòng kháng HBc (chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate; chất bảo quản. Hộp ≥ 100 test	Hộp
40	Hóa chất xét nghiệm Anti HBc IgM	Sử dụng cho xét nghiệm thuộc phương pháp miễn dịch điện hóa phát quang. Gồm bộ thuốc thử chính cho xét nghiệm HBc IgM, mẫu chuẩn âm tính, mẫu chuẩn dương tính, có thành phần như sau: <ul style="list-style-type: none"> - 1 chai chứa Vi hạt phủ Streptavidin; chất bảo quản. - 1 chai chứa Kháng thể kháng Fcγ người hoặc cừu; đệm phosphate; chất bảo quản. - 1 chai: Kháng thể đơn dòng kháng IgM người đánh dấu biotin (chuột); HBcAg đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate; chất bảo quản. Hộp ≥ 100 test	Hộp
41	Hóa chất xét nghiệm Anti Hbe	Sử dụng cho xét nghiệm thuộc phương pháp miễn dịch điện hóa phát quang. Gồm bộ thuốc thử chính cho xét nghiệm Anti HBe, mẫu chuẩn âm tính, mẫu chuẩn dương tính, có thành phần như sau: <ul style="list-style-type: none"> - 1 chai chứa Vi hạt phủ streptavidin; chất bảo quản. - 1 chai chứa HBcAg; đệm HEPEsB; chất bảo quản. - 1 chai chứa Kháng thể đơn dòng kháng HBe đánh dấu biotin (chuột); kháng thể đơn dòng kháng HBc (chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm HEPEs; chất bảo quản. Hộp ≥ 100 test	Hộp
42	Hóa chất xét nghiệm Anti HBs	Sử dụng cho xét nghiệm thuộc phương pháp miễn dịch điện hóa phát quang. Gồm bộ thuốc thử chính cho xét nghiệm Anti HBs, mẫu chuẩn âm tính, mẫu chuẩn dương tính, có thành phần như sau: <ul style="list-style-type: none"> - 1 chai chứa Vi hạt phủ streptavidin; chất bảo quản. - 1 chai chứa HBsAg đánh dấu biotin; đệm MES; chất bảo quản. - 1 chai chứa HBsAg đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm MES; chất bảo quản. Hộp ≥ 100 test	Hộp

STT	Tên hóa chất	Yêu cầu của hàng hóa về chất lượng, mô tả chi tiết thông số kỹ thuật	ĐVT
43	Hóa chất xét nghiệm Anti HCV	<p>Sử dụng cho xét nghiệm thuộc phương pháp miễn dịch điện hóa phát quang. Gồm bộ thuốc thử chính cho xét nghiệm Anti HCV, mẫu chuẩn âm tính, mẫu chuẩn dương tính, có thành phần như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 chai chứa Vi hạt phủ Streptavidin; chất bảo quản. - 1 chai chứa Kháng nguyên đặc hiệu HCV đánh dấu biotin, đệm HEPESb; chất bảo quản. - 1 chai chứa Kháng nguyên đặc hiệu HCV đánh dấu phức hợp ruthenium, đệm HEPES; chất bảo quản. <p>Hộp > 100 test</p>	Hộp
44	Hóa chất xét nghiệm CMV IgG	<p>Sử dụng cho xét nghiệm thuộc phương pháp miễn dịch điện hóa phát quang. Gồm bộ thuốc thử chính cho xét nghiệm CMV IgG, mẫu chuẩn âm tính, mẫu chuẩn dương tính, có thành phần như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 chai chứa Vi hạt phủ Streptavidin; chất bảo quản. - 1 chai chứa Kháng nguyên đặc hiệu CMV đánh dấu biotin, đệm MES; chất bảo quản. - 1 chai chứa Kháng nguyên đặc hiệu CMV đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm MES; chất bảo quản. <p>Hộp > 100 test</p>	Hộp
45	Hóa chất xét nghiệm CMV IgM	<p>Sử dụng cho xét nghiệm thuộc phương pháp miễn dịch điện hóa phát quang. Gồm bộ thuốc thử chính cho xét nghiệm CMV IgM, mẫu chuẩn âm tính, mẫu chuẩn dương tính, có thành phần như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 chai chứa Vi hạt phủ Streptavidin; chất bảo quản. - 1 chai chứa Kháng thể đơn dòng kháng IgM người đánh dấu biotin; đệm MES; chất bảo quản. - 1 chai chứa Kháng nguyên đặc hiệu CMV đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm MES; chất bảo quản. <p>Hộp > 100 test</p>	Hộp
46	Hóa chất xét nghiệm định tính HBsAg	<p>Sử dụng cho xét nghiệm thuộc phương pháp miễn dịch điện hóa phát quang. Gồm bộ thuốc thử chính cho xét nghiệm HBsAg, mẫu chuẩn âm tính, mẫu chuẩn dương tính, có thành phần như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 chai chứa Vi hạt phủ streptavidin; chất bảo quản. - 1 chai chứa Hai kháng thể đơn dòng đặc hiệu kháng HBsAg; đệm phosphate; chất bảo quản. - 1 chai chứa Kháng thể đơn dòng kháng HBsAg, kháng thể đa dòng kháng HBsAg đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate; chất bảo quản. <p>Hộp > 100 test</p>	Hộp
47	Hóa chất xét nghiệm HBeAg	<p>Sử dụng cho xét nghiệm thuộc phương pháp miễn dịch điện hóa phát quang. Gồm bộ thuốc thử chính cho xét nghiệm HBeAg, mẫu chuẩn âm tính, mẫu chuẩn dương tính có thành phần như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 chai chứa Vi hạt phủ streptavidin; chất bảo quản. - 1 chai chứa Kháng thể đơn dòng kháng HBeAg đánh dấu biotin; đệm TRIS; chất bảo quản. - 1 chai chứa Kháng thể đơn dòng kháng HBeAg đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm TRIS; chất bảo quản. <p>Hộp > 100 test</p>	Hộp
48	Hóa chất xét nghiệm HIV	<p>Sử dụng cho xét nghiệm thuộc phương pháp miễn dịch điện hóa phát quang. Gồm bộ thuốc thử chính cho xét nghiệm HIVCOMPT, mẫu chuẩn âm tính, mẫu chuẩn dương tính có thành phần như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 chai chứa Vi hạt phủ streptavidin; chất bảo quản. - 1 chai chứa Kháng thể đơn dòng kháng p24 đánh dấu biotin, kháng nguyên tái tổ hợp đặc hiệu HIV 1/2 đánh dấu biotin, peptide đặc hiệu HIV 1/2 đánh dấu biotin; đệm TRIS; chất bảo quản. - 1 chai chứa Kháng thể đơn dòng kháng p24, kháng nguyên tái tổ hợp đặc hiệu HIV 1/2, peptide đặc hiệu HIV 1/2 đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm TRIS; chất bảo quản. <p>Hộp > 100 test</p>	Hộp

STT	Tên hóa chất	Yêu cầu của hàng hóa về chất lượng, mô tả chi tiết thông số kỹ thuật	ĐVT
49	Hóa chất xét nghiệm HSV-1 IgG	<p>Sử dụng cho xét nghiệm thuộc phương pháp miễn dịch điện hóa phát quang. Gồm bộ thuốc thử chính cho xét nghiệm HSV-1 IgG, mẫu chuẩn âm tính, mẫu chuẩn dương tính có thành phần như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 chai chứa Vi hạt phủ streptavidin; chất bảo quản. - 1 chai chứa Kháng nguyên đặc hiệu HSV-1 đánh dấu biotin; đệm MESb; chất bảo quản. - 1 chai chứa Kháng nguyên đặc hiệu HSV-1 đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm MES; chất bảo quản. <p>Hộp > 100 test</p>	Hộp
50	Hóa chất xét nghiệm HSV-2 IgG	<p>Sử dụng cho xét nghiệm thuộc phương pháp miễn dịch điện hóa phát quang. Gồm bộ thuốc thử chính cho xét nghiệm HSV-2 IgG, mẫu chuẩn âm tính, mẫu chuẩn dương tính có thành phần như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 chai chứa Vi hạt phủ Streptavidin; chất bảo quản. - 1 chai chứa Kháng nguyên đặc hiệu HSV-2 đánh dấu biotin; đệm MESb; chất bảo quản. - 1 chai chứa Kháng nguyên đặc hiệu HSV-2 đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm MES; chất bảo quản. <p>Hộp > 100 test</p>	Hộp
51	Hóa chất xét nghiệm PCT	<p>Sử dụng cho xét nghiệm thuộc phương pháp miễn dịch điện hóa phát quang. Gồm bộ thuốc thử chính cho xét nghiệm PCT (Procalcitonin), mẫu chuẩn, chứng chuẩn có thành phần như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 chai chứa Vi hạt phủ Streptavidin; chất bảo quản. - 1 chai chứa Kháng thể đơn dòng kháng PCT đánh dấu biotin; đệm phosphate; chất bảo quản. - 1 chai chứa Kháng thể đơn dòng kháng PCT đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate; chất bảo quản. <p>Hộp > 100 test</p>	Hộp
52	Hóa chất xét nghiệm Rubella IgG	<p>Sử dụng cho xét nghiệm thuộc phương pháp miễn dịch điện hóa phát quang. Gồm bộ thuốc thử chính cho xét nghiệm Rubella IgG, mẫu chuẩn âm tính, mẫu chuẩn dương tính có thành phần như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 chai chứa Vi hạt phủ Streptavidin; chất bảo quản. - 1 chai chứa Kháng thể đơn dòng kháng IgG người đánh dấu biotin, hạt tương tự Rubella, đệm phosphate; chất bảo quản. - 1 chai chứa Phân đoạn kháng thể đơn dòng kháng Rubella đánh dấu ruthenium, E1 tái tổ hợp đánh dấu biotin, E1 tái tổ hợp đánh dấu ruthenium, đệm phosphate; chất bảo quản. <p>Hộp > 100 test</p>	Hộp
53	Hóa chất xét nghiệm Rubella IgM	<p>Sử dụng cho xét nghiệm thuộc phương pháp miễn dịch điện hóa phát quang. Gồm bộ thuốc thử chính cho xét nghiệm Rubella IgM, mẫu chuẩn âm tính, mẫu chuẩn dương tính có thành phần như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 chai chứa Vi hạt phủ Streptavidin; chất bảo quản. - 1 chai chứa Kháng thể đơn dòng kháng IgM người đánh dấu biotin, các hạt tương tự Rubella; đệm natri phosphate; chất bảo quản. - 1 chai chứa Kháng thể kháng Rubella đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm natri phosphate; chất bảo quản. <p>Hộp > 100 test</p>	Hộp

STT	Tên hóa chất	Yêu cầu của hàng hóa về chất lượng, mô tả chi tiết thông số kỹ thuật	ĐVT
54	Kit định lượng virus HBV	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ xét nghiệm IVD định lượng Hepatitis B Virus (HBV) bằng kỹ thuật Real-time PCR - Nguồn mẫu: huyết tương. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD - Tính năng kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> + Độ nhạy: ≤ 7 IU/ml, độ đặc hiệu: $\geq 99\%$; + Khoảng tuyến tính: $7 - 10^8$ IU/ml - Thành phần cung cấp: <ul style="list-style-type: none"> + Bộ kit thuốc thử RT-PCR (đông khô), chứng dương nồng độ cao và thấp, standard (mẫu chuẩn) CAL1 và CAL2, chứng âm. 	Hộp
55	Kit định lượng virus HCV	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ xét nghiệm IVD định lượng Hepatitis C Virus (HCV) bằng kỹ thuật Real-time PCR - Loại mẫu: huyết tương. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD - Tính năng kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> + Độ nhạy: ≤ 13 IU/ml, độ đặc hiệu: $\geq 99\%$; + Khoảng tuyến tính: $13 - 10^8$ IU/ml, - Thành phần cung cấp: <ul style="list-style-type: none"> + Bộ kit thuốc thử RT-PCR (đông khô), chứng nội IC, chứng dương nồng độ cao và thấp, standard (mẫu chuẩn) CAL1 và CAL2, chứng âm. 	Hộp
56	Kit tách DNA/RNA	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ xét nghiệm IVD chỉ định cho quy trình ly trích và tinh sạch DNA/RNA virus trên hệ thống máy tách chiết tự động - Loại mẫu: huyết tương, huyết thanh, và các loại dịch cơ thể khác. - Tính năng kỹ thuật: có RNA hỗ trợ tách chiết - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD - Thành phần cung cấp: <ul style="list-style-type: none"> + Bộ thuốc thử gồm Test, Tip lọc hút mẫu, Bộ giá đỡ đầu Tip, ống đựng mẫu, ống chứa sản phẩm sau tách, RNA hỗ trợ tách chiết. 	Hộp
57	Dung dịch rửa dùng cho máy miễn dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Dung dịch làm sạch kim hút thuốc thử để tránh nhiễm chéo giữa các xét nghiệm. Sử dụng cho xét nghiệm thuộc phương pháp miễn dịch điện hóa phát quang. - Thành phần: KOH; chất tẩy $\leq 1\%$. Hộp ≥ 12 chai ≥ 70ml 	Hộp

STT	Tên hóa chất	Yêu cầu của hàng hóa về chất lượng, mô tả chi tiết thông số kỹ thuật	ĐVT
58	Kit định lượng virus CMV	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ xét nghiệm IVD định lượng Cytomegalovirus (CMV) bằng kỹ thuật Real-time PCR - Nguồn mẫu: huyết tương, dịch não tủy, nước ối, tế bào bạch cầu - Tính năng kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> + Độ nhạy: Mẫu ít tế bào (huyết tương, dịch não tủy...): ≤ 400 copies/ml; Mẫu nhiều tế bào (máu toàn phần, tế bào bạch cầu, sinh thiết...): 5 CMV DNA copies/10^5 tế bào; + Độ đặc hiệu: $\geq 99\%$ + Khoảng tuyến tính/ định lượng: 500 – 10.000.000 copies/ml + Dùng 02 loại chứng nội: chứng nội ngoại sinh IC và chứng nội sinh IC - Thành phần cung cấp: <ul style="list-style-type: none"> + Bộ kit chính: PCR-mix, Polymerase (TaqF), chứng nội IC, chứng dương DNA CMV/human DNA, chứng âm C- và chứng chuẩn DNA calibrator QS Hộp ≥ 100 test	Hộp
59	Kit định tuýp virus HPV	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ xét nghiệm IVD định tính kiểu gene và định lượng ≥ 14 typ Human Papilloma virus nguy cơ cao bằng kỹ thuật Real-time PCR - Nguồn mẫu: mẫu phết cổ tử cung, dịch tế bào, sinh thiết từ niêm mạc, mẫu phết dịch nội mô niệu đạo - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD - Tính năng kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> + Độ nhạy: ≤ 1000 copies/ml, độ đặc hiệu: $\geq 99\%$ + Có khả năng định lượng. Dãy tuyến tính: $1000 - 10^8$ copies/ml + Gen mục tiêu: E1 (typ 56), E6 và E7 (các typ còn lại). + Phát hiện riêng biệt cho từng ≥ 14 type HPV nguy cơ cao S1 và chứng nội gen β-globin - Thành phần cung cấp: <ul style="list-style-type: none"> + Bộ kit chính: 04 loại PCR-mix, PCR- buffer, chứng âm, chứng dương K- HPV Genotype Hộp ≥ 100 test	Hộp
60	Kit phát hiện và định lượng EBV	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ xét nghiệm IVD định lượng Epstein Barr Virus (EBV) bằng kỹ thuật Real-time PCR - Nguồn mẫu: máu toàn phần, mô, nước tiểu, mẫu phết, mẫu đờm, huyết tương, dịch não tủy. - Tính năng kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> + Độ nhạy: ≤ 200 copies/ml hoặc 5 bản sao EBV DNA/10^5 tế bào; Độ đặc hiệu: $\geq 99\%$; + Khoảng tuyến tính/ định lượng: 500 – 10.000.000 EBV DNA copies/ml + Gen mục tiêu: LMP-gene + Dùng 02 loại chứng nội: chứng nội ngoại sinh IC và chứng nội sinh IC - Thành phần cung cấp: <ul style="list-style-type: none"> + Bộ kit chính: PCR-mix, PCR-buffer, Hot Start DNA Polymerase, TE-buffer, chứng dương C+, chứng âm C-, chứng nội IC và chứng chuẩn Standard QSG 	Hộp
61	Hóa chất xét nghiệm proBNP	<ul style="list-style-type: none"> Xét nghiệm invitro dùng để định lượng N-terminal pro B-type natriuretic peptide trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm điện hóa phát quang. <ul style="list-style-type: none"> - 1 chai chứa Vi hạt phủ Streptavidin; chất bảo quản. - 1 chai chứa Kháng thể đơn dòng kháng NT-proBNP đánh dấu biotin (chuột); đệm phosphate; chất bảo quản. - 1 chai chứa Kháng thể đơn dòng kháng NT-proBNP (cừu) đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate; chất bảo quản. 	Hộp

STT	Tên hóa chất	Yêu cầu của hàng hóa về chất lượng, mô tả chi tiết thông số kỹ thuật	ĐVT
62	Hóa chất chuẩn xét nghiệm proBNP	Được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng proBNP <ul style="list-style-type: none"> ▪ Cal1: ≥ 2 chai, mỗi chai ≥ 1.0 mL mẫu chuẩn 1 ▪ Cal2: ≥ 2 chai, mỗi chai ≥ 1.0 mL mẫu chuẩn 2 ProBNP với hai khoảng nồng độ (khoảng 16.6 pmol/L hoặc 140 pg/mL và khoảng 320 pmol/L hoặc 2700 pg/mL) trong huyết thanh ngtra.	Hộp
63	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm tim mạch	Hóa chất dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm miễn dịch theo dõi chức năng tim mạch <ul style="list-style-type: none"> ▪ PC 1: ≥ 2 chai, mỗi chai ≥ 2.0 mL huyết thanh chứng ▪ PC 2: ≥ 2 chai, mỗi chai ≥ 2.0 mL huyết thanh chứng 	Hộp
64	Test nhanh phát hiện kháng thể kháng HIV 1/2	Xét nghiệm định tính HIV 1/2 nằm trong danh mục khuyến cáo xét nghiệm HIV kháng định của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương Mẫu bệnh phẩm: huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần người. Không dùng dung dịch đệm với mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương	Test
Phần 2: Khí oxy lỏng y tế			
65	Oxy lỏng y tế	Khí oxy dạng lỏng dùng trong y tế. - Độ tinh khiết $\geq 99,6\%$. - Nạp bằng xe téc chuyên dụng.	kg
Phần 3: Kít xét nghiệm nhóm máu			
66	Gel card 6 giếng làm định nhóm máu bằng 2 phương pháp huyết thanh và hồng cầu mẫu	Gel card 6 giếng gồm: Từ cột 1 - 3: Anti A (dòng 11H5) – Anti B (dòng 6F9) – Anti D (IgM) (VI-) (dòng P3x61 + TH-28) dùng để định nhóm máu xuôi (phương pháp huyết thanh mẫu); Từ cột 4 - 6: chứa gel trung tính, cột 4 (Ctrl) để làm chứng âm, cột 5 (A1) và cột 6 (B) để định nhóm máu ngược (phương pháp hồng cầu mẫu).	Card
Phần 4: Túi lấy máu			

STT	Tên hóa chất	Yêu cầu của hàng hóa về chất lượng, mô tả chi tiết thông số kỹ thuật	ĐVT
67	<p>Túi lấy máu ba 250ml</p>	<p>Có cấu trúc gồm 3 túi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Túi 1: Dung tích 250 ml chứa dung dịch chống đông + Kích thước túi: chiều cao khoảng 130 ± 5 mm, chiều rộng khoảng 120 ± 5 mm + Ống dây lấy máu dài 980 mm± 40 + Kim lấy máu cỡ 16G - Túi 2: Dung tích ≥ 200 ml, túi rộng để bảo quản hồng cầu, huyết tương hoặc tiểu cầu 5 ngày + Kích thước túi: chiều cao khoảng 130 ± 5 mm, chiều rộng khoảng 120 ± 5 mm + Chiều dài dây từ khớp nối chữ Y của túi 1 và túi 2 tới túi 2: khoảng 260 ± 15 mm - Túi 3: Dung tích ≥ 200 ml chứa dung dịch bảo quản hồng cầu để bảo quản hồng cầu hoặc huyết tương + Kích thước túi: chiều cao khoảng 130 ± 5 mm, chiều rộng khoảng 120 ± 5 mm - Tất cả dây lấy máu, dây nối giữa các túi có đường kính ngoài 4,4mm ± 0,1 và đường kính trong 3mm ± 0,1 - Sức bền của túi: <ul style="list-style-type: none"> + Sức bền ly tâm (Centrifugation resistance) ≥ 5000g trong 10 phút + Sức bền áp lực (Pressure resistance) ≥ 0,7kg/cm² trong 10 phút + Sức bền nhiệt độ (Thermal resistance) trong khoảng -80 độ C tới 37 độ C ± 2 độ C. - Chứng chỉ ISO 13485 	Túi

STT	Tên hóa chất	Yêu cầu của hàng hóa về chất lượng, mô tả chi tiết thông số kỹ thuật	ĐVT
68	Túi lấy máu ba 350ml	<p>Có cấu trúc gồm 3 túi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Túi 1: Dung tích 350ml chứa dung dịch chống đông + Kích thước túi: chiều cao khoảng 160 ± 5 mm, chiều rộng khoảng 120 ± 5 mm + Ống dây lấy máu dài 980 mm ± 40 + Kim lấy máu cỡ 16G - Túi 2: Dung tích ≥ 300ml, túi rỗng để bảo quản hồng cầu, huyết tương hoặc tiểu cầu 5 ngày + Kích thước túi: chiều cao khoảng 160 ± 5 mm, chiều rộng khoảng 120 ± 5 mm + Chiều dài dây từ khớp nối chữ Y của túi 1 và túi 2 tới túi 2: khoảng 260 ± 15 mm - Túi 3: Dung tích ≥ 300 ml chứa dung dịch bảo quản hồng cầu để bảo quản hồng cầu hoặc huyết tương + Kích thước túi: chiều cao khoảng 160 ± 5 mm, chiều rộng khoảng 120 ± 5 mm - Tất cả dây lấy máu, dây nối giữa các túi có đường kính ngoài 4,4mm ± 0,1 và đường kính trong 3mm ± 0,1 - Sức bền của túi: + Sức bền ly tâm (Centrifugation resistance) ≥ 5000 g trong 10 phút + Sức bền áp lực (Pressure resistance) ≥ 0,7kg/cm² trong 10 phút + Sức bền nhiệt độ (Thermal resistance) trong khoảng -80 độ C tới 37 độ C ± 2 độ C. - Chứng chỉ ISO 13485 	Túi

Phần 5: Vật tư nha khoa

69	Chất lấy dấu dùng trong nha khoa	Đễ trộn thành dạng kem, không bụi, không có bọt khí (thời gian đông 20-30 giây)	túi
70	Keo composite 6g	Lực bền xé lên tới 40N, phóng thích florua và chống ê buốt, chứa HEMA	tuýp
71	Oxit kẽm dùng trong nha khoa	Bột kẽm oxit tinh khiết, không chứa Asen được sử dụng làm thuốc giảm đau răng nhẹ và tạo thành băng an thần.	lọ
72	Eugenol	Dầu Eugenol tinh khiết, không có asen, tạo lớp băng hoặc lớp lót dưới lớp nhựa không composite.	lọ
73	Canxi hydroxyd (Ca(OH) ₂)	Là dung dịch dạng keo tự nhiên hay tổng hợp. Có tác dụng trung hòa acid dư của xi măng, chống lại các kích thích của các vật liệu hàn khác để bảo vệ tủy răng. Dạng Gel, bột nhào và bột nhào cứng	tuýp

STT	Tên hóa chất	Yêu cầu của hàng hóa về chất lượng, mô tả chi tiết thông số kỹ thuật	ĐVT
74	Xi măng hàn răng Cortis	Thành phần: Prednisolon axetat 1,1%; Diiodothymol; Kẽm oxit; Barium sulphat	lọ
75	Xi măng hàn răng AH26 (epoxy resin)	Xi măng trám bột tùy AH26 bán chất nhựa acrylic, không chứa eugenol Sử dụng trám bột tùy kết hợp với cone gutta percha, phù hợp với các kỹ thuật lên ngang, lên dọc Xi măng có độ nhớt phù hợp, dán tốt vào thành ngà.	chai
76	Vật liệu trám răng MTA (Mineral Trioxide Aggregate)	Bộ dụng cụ sửa chữa xi măng MTA flow đi kèm với các công cụ để trộn và cung cấp xi măng, chứa đủ bột và gel để hoàn thành 8-10 ứng dụng.	bộ
77	Xi măng thủy tinh glass ionomer dùng hàn răng	Xi măng glass ionomer, độ bền cao, giãn nở nhiệt tương tự cấu trúc răng. Chứa acid polyacrylic Phóng thích florua dựa trên stronti tái khoáng bên trong cấu trúc răng, tăng độ bền bề mặt.	hộp
78	Xi măng thủy tinh glass ionomer dùng gắn cầu chụp	Xi măng glass ionomer, độ bền cao, giãn nở nhiệt tương tự cấu trúc răng. Chứa acid polyacrylic Phóng thích florua dựa trên stronti tái khoáng bên trong cấu trúc răng, tăng độ bền bề mặt.	hộp
79	Composite đặc	Không dính, dễ dàng xử lý, dễ đánh bóng, độ bền cao, kết dính bằng quang trùng hợp	tuýp
80	Composite lỏng	Khả năng lưu chuyển tối ưu, chống mài mòn, tái nạp cao hơn 70%	tuýp
81	Etching (H3PO4)	Dạng gel có độ đậm 34%- 37% có tác dụng soi mòn men răng,	lọ
82	Bonding	Là chất dán dính trong nha khoa, thấm nhập vào men đã soi mòn giúp bám giữ vi cơ học phục hồi vào men, ngà răng.	lọ
83	Asen	Thuốc diệt tùy arsenic có thành phần anhydric arsenic 2g, cocain hydrochlorid và dung dịch phenol. Dạng bột nhão và đựng trong lọ tối màu	lọ
84	NaOCl	Hợp chất có tính kiềm, tác dụng oxy hóa mạnh, làm thay đổi PH, làm tan các thành phần hữu cơ, làm trơn sạch ống tủy.	chai

STT	Tên hóa chất	Yêu cầu của hàng hóa về chất lượng, mô tả chi tiết thông số kỹ thuật	ĐVT
85	Chất Chelat (EDTA, Glyde) dạng GEL (C10H16N2O8)	Là chất làm tiêu vôi của tổ chức ngà trong ống tủy, hỗ trợ nong rộng ống tủy có tác dụng làm tiêu mủn ngà, bôi trơn ống tủy và sát khuẩn.	tuýp
86	Hợp chất phenol: CPC, TCF	Có đặc tính diệt khuẩn và khử khuẩn, dạng lỏng dùng tăng cảm giác ngà răng để sát khuẩn ống tủy và lỗ hàn.	lọ
87	Guttapercha	Dùng để trám bít lòng ống tủy, không có sự đàn hồi khi chịu nén, ở nhiệt độ cao gây giãn nở và sau đó tự co lại.	hộp
88	SPONGEL	Có tác dụng cầm máu, dính chặt trên vết thương làm trụ cho dung dịch cầm máu (Thrombin).	túi
89	Silicone	Cao su thiên nhiên, được lấy từ mủ cây cao su, dẻo, qua phản ứng trùng hợp tạo thành isopren, là vật liệu lấy dấu trong nha khoa. Có dạng đặc và lỏng. Gồm chất chứa silicone cơ bản và chất chứa xúc tác khi dùng phải trộn với nhau.	hộp
90	Guttapercha côn giấy	Có tác dụng hút dịch, máu trong ống tủy, hỗ trợ hàn tủy răng,	hộp
91	ATS	Có tác dụng đốt cháy niêm mạc, cầm máu	lọ

Tổng số khoản: 91 khoản./.

(Kèm theo Thư mời báo giá ngày 17 / 5 / 2023 của Bệnh viện Quân y 103)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tên công ty:.....
Địa chỉ:.....
SĐT:.....
Email:.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Quân y 103.

Chúng tôi xin gửi tới Quý Bệnh viện bảng chào giá hàng hóa như sau:

STT	Tên hàng hóa (tên Tiếng Việt)	Tên thương mại sản phẩm	Mô tả chi tiết, các thông số kỹ thuật của nhà sản xuất	Hãng SX	Nước SX	Quy cách	SDK, GPNK	Tiêu chuẩn chất lượng	ĐVT	Phân nhóm KT theo TT14 BYT	Đơn giá (Có VAT)	Giá trúng thầu tại các CSYT (nếu có)	Tên đơn trúng thầu (nếu có)	Số quyết định hoặc hợp đồng trúng thầu (nếu có)	Dải giá trúng thầu (nếu có)	Giá kê khai	Ghi chú	
1																		
2																		
...																		

Giá trên bao gồm ...% thuế và các loại chi phí liên quan.
Báo giá có hiệu lực trong vòng ... tháng kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY